

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức các đơn vị
sự nghiệp huyện Quảng Trạch, năm 2018**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển
dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về
tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;
Căn cứ Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND, ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh về
việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc
thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;
Căn cứ Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2018 của
UBND huyện Quảng Trạch về việc phê duyệt kết quả kỳ xét tuyển viên chức các đơn
vị sự nghiệp huyện Quảng Trạch, năm 2018;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét tuyển viên chức các đơn vị sự nghiệp
huyện Quảng Trạch, năm 2018 gồm 31 thí sinh (có danh sách đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng Nội vụ; Thủ
trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu
trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Nội vụ (Báo cáo)
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Website UBND huyện;
- Lưu: VT, NV.



**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Nguyễn Xuân Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỶ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
HUYỆN QUẢNG TRẠCH, NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2018)

TT	Số BD	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm và dự kiến bố trí tại đơn vị	Điểm TBC học tập và tốt nghiệp (không theo hệ thống tín chỉ)				Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ			Điểm phỏng vấn		Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
								Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 10)	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 100)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 10)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 100)	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 100 (Hệ số 2)	Kiểm thử chung	Kiểm thử chuyên ngành			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	21
1	04	DS-15	Đàm Thị Thùy Trang	30/10/1992	Trung cấp Y sỹ Đa khoa	Quảng Châu, Quảng Trạch	Phụ trách công tác Dân số - KHHGD xã Q. Kim	6,9	69	7,7	77				92,0	92,0	368	514,0	
2	07	DS-15	Hoàng Thị Phương	02/03/1994	Cao đẳng Y tế Điều dưỡng	Quảng Tiên, Ba Đồn	Phụ trách công tác Dân số - KHHGD xã Cảnh Hóa	7,44	74,4	8,5	85				91,0	91,0	364	523,4	
3	10	DS-15	Phan Thị Quỳnh Như	27/2/1990	Trung cấp y sỹ	Quảng Phương, Quảng Trạch	Phụ trách công tác Dân số - KHHGD xã Quảng Trường	8,3	83	8,3	83				90,0	90,0	360	526,0	
4	11	DS-15	Tạ Quang Dũng	15/3/1994	TC Y sỹ, y học cổ truyền	Ba Đồn, Quảng Bình	Phụ trách công tác Dân số - KHHGD xã Quảng Trạch	7,5	75	7,3	73				91,0	91,0	364	512,0	
5	14	DS-16	Cao Thị Minh Nguyệt	20/10/1993	Trung cấp Điều dưỡng	Bồ Trạch, Quảng Bình	Phụ trách lĩnh vực Kế hoạch hóa gia đình tại TT - Dân số KHHGD huyện	6,9	69	5,5	55				70,0	70,0	280	404,0	
6	15	KN-17	Trần Hào Quang	18/08/1993	Kỹ sư khoa học cây trồng	Quảng Phương, Quảng Trạch	Phụ trách lĩnh vực trồng trọt tại Trạm Khuyến nông huyện					7,99	79,9	159,8	95,0	95,0	380	539,8	

TT	Số BD	Mã dự tuyển	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm và dự kiến bố trí tại đơn vị	Điểm TBC học tập và tốt nghiệp (không theo hệ thống tín chỉ)				Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ			Điểm phỏng vấn		Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
								Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 10)	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 100)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 10)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 100)	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 100 (Hệ số 2)	Kiểm thức chung	Kiểm thức chuyên ngành			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	21
7	17	KN-18	Phan Thế Sơn	24/10/1989	Đại học Quản trị kinh doanh	Tuyên Hóa, Quảng Bình	Phụ trách lĩnh vực quản lý, theo dõi, hướng dẫn các mô hình tại Trạm Khuyến nông					7,48	74,8	149,6	70	67,5	275	424,6	
8	18	QĐ-19	Trần Tuấn	02/09/1990	Kỹ sư Kỹ thuật Dầu khí	Ba Đồn, Quảng Bình	Phụ trách lĩnh vực quản lý đất đã được GPMB, quỹ đất đã nhận chuyển nhượng, đã tạo lập, xây dựng để phục vụ ĐC và thu hồi theo quy định tại TTPHQĐ huyện					7,16	71,6	143,2	82,5	85	335	478,2	
9	20	QĐ-20	Hoàng Văn Huệ	26/8/1987	Kỹ sư xây dựng công nghiệp	Quảng Kim, Quảng Trạch	Phụ trách lĩnh vực lập phương án sử dụng quỹ đất đã được giao quản lý và phương án, đề án, dự án đầu tư tạo lập và PTQĐ tại TTPTQĐ huyện	5,83	58,3	7,5	75				97,5	91,0	377	510,3	
10	22	QĐ-21	Võ Hoàng Việt	20/08/1991	Cao đẳng kỹ thuật công nghệ môi trường	Quảng Phú, Quảng Trạch	Phụ trách lĩnh vực cung cấp thông tin về địa điểm môi trường đầu tư quỹ đất, giá đất cho các tổ chức, cá nhân theo yêu cầu tại TTPTQĐ huyện	7,12	71,2	8,0	80				94	94,5	377	528,2	
11	24	QĐ-22	Võ Thi Thu Hương	10/12/1996	Cử nhân Luật	Quảng Xuân, Quảng Trạch	Phụ trách lĩnh vực tổ chức ĐTXD kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đấu giá tại TTPTQĐ huyện					8,27	82,7	165,4	94,5	95,5	380	545,4	

TT	Số BD	Mã dự tuyển	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm và dự kiến bố trí tại đơn vị	Điểm TBC học tập và tốt nghiệp (không theo hệ thống tín chỉ)				Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ			Điểm phỏng vấn		Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
									Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 10)	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 100)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 10)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 100)	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 100 (Hệ số 2)	Kiểm thức chung	Kiểm thức chuyên ngành			
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	21
12	29	QĐ-23	Trịnh Thị Nhật	Lệ	12/03/1996	Cử nhân Luật	Quảng Tùng, Quảng Trạch	Phụ trách lĩnh vực thực hiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất tại TTPTQĐ huyện					8,37	83,7	167,4	96,0	95,5	383	550,4	
13	31	QĐ-24	Nguyễn Văn	Thắng	10/04/1992	Kỹ sư Quản lý Đất đai	Quảng Hưng, Quảng Trạch	Phụ trách lĩnh vực quản lý dự án các công trình, dự án tạo quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất tại TTPTQĐ huyện					8,17	81,7	163,4	95,5	96,0	383	546,4	
14	35	QĐ-25	Trần Thị Thu	Thùy	23/08/1991	CN Tài chính-Ngân hàng	Quảng Thuận, Ba Đồn	Thẩm định giá tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện	7,01	70,1	6,0	60				93	96	378	508,1	
15	37	ĐT-26	Trịnh Ngọc Minh	Phương	10/7/1989	CN Công nghệ thông tin	Quảng Tùng, Quảng Trạch	Kỹ thuật viên kiêm phóng viên, quay phim Đài TT-TH huyện QT					7,18	71,8	143,6	67,5	92,5	320	463,6	
16	38	ĐT-26	Trần Anh	Tổ	16/10/1990	Kỹ sư Điện tử - Viễn thông	Quảng Thanh, Quảng Trạch	Kỹ thuật viên kiêm phóng viên, quay phim Đài TT-TH huyện QT					7,76	77,6	155,2	80	92,5	345	500,2	
17	39	ĐT-26	Lê Hữu	Hoàng	20/12/1988	Kỹ sư Điện tử - Viễn thông	Tuyên Hóa, Quảng Bình	Kỹ thuật viên kiêm phóng viên, quay phim Đài TT-TH huyện QT	6,4	64	8,0	80				90	90	360	504	
18	40	ĐT-27	Nguyễn Thị Hà	Ny	01/06/1992	Cử nhân Triết học	Quảng Lộc, Ba Đồn	Phóng viên kiêm phát thanh viên Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện					7,8	78	156	85	70	310	466,0	
19	41	ĐT-27	Trần Võ Mỹ	Hiền	01/4/1989	Cử nhân Văn viết	Ba Đồn, Quảng Bình	Phóng viên kiêm phát thanh viên Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện	6,83	68,3	8,5	85				82,5	87,5	340	493,3	

Handwritten signature or mark

TT	Số BD	Mã dự tuyển	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm và dự kiến bố trí tại đơn vị	Điểm TBC học tập và tốt nghiệp (không theo hệ thống tín chỉ)				Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ			Điểm phỏng vấn		Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
									Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 10)	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 100)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 10)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 100)	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 100 (Hệ số 2)	Kiểm thức chung	Kiểm thức chuyên ngành			
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	21
20	42	PH-36	Nguyễn Thị Lan	Oanh	09/3/1994	Cử nhân Luật	Quảng Phong, Ba Đồn	Phụ trách công tác Văn phòng tại BQL Rừng phòng hộ huyện					7,25	72,5	145	92,5	72,5	330	475,0	
21	43	VH-29	Đặng Văn	Chương	02/02/1986	ĐH Ngành xã hội học	Quảng Châu, Quảng Trạch	Phụ trách văn hóa, TDTT cơ sở, tuyên truyền lưu động tại TTVHTTTT huyện					6,3	63	126	90	80	340	466,0	
22	44	VH-30	Phạm Quang	Lãng	10/11/1991	CN hành chính học	Quảng Châu, Quảng Trạch	Phụ trách Thư viện, bảo quản sách báo, kiểm âm thanh ánh sáng sân khấu tại TTVHTTTT huyện	6,7	67	6,5	65				90	79	338	470	
23	45	DN-31	Trần Vũ	Như	10/12/1992	Cử nhân Công nghệ thông tin	Quảng Thanh, Quảng Trạch	Giáo viên dạy nghề cho lao động nông thôn tại TTGDĐN huyện					7,76	77,6	155,2	81,5	84,5	332	487,2	
24	46	DN-31	Nguyễn Văn	Ân	10/08/1992	Cử nhân Kế toán	Quảng Lộc, Ba Đồn	Giáo viên dạy nghề cho lao động nông thôn tại TTGDĐN huyện	6,14	61,4	6,7	66,7				71	59,5	261	389,1	
25	47	DN-31	Chu Ngọc	Khánh	24/10/1989	Cử nhân Kế toán	Quảng Kim, Quảng Trạch	Giáo viên dạy nghề cho lao động nông thôn tại TTGDĐN huyện					6,87	68,7	137,4	61	64,5	251	388,4	
26	48	DN-31	Trần Thị Tuyết	Nga	09/02/1986	Đại học Kinh tế	Tuyên Hóa, Quảng Bình	Giáo viên dạy nghề cho lao động nông thôn tại TTGDĐN huyện	6,96	69,6	7,3	73				94	94,5	377	519,6	
27	49	ND-32	Nguyễn Thị	An	02/01/1995	ĐHSP Ngữ văn	Quảng Phương, Quảng Trạch	Giáo viên Ngữ văn tại TTGD Dạy nghề huyện					8,65	86,5	173	93,5	93,5	374	547,0	
28	51	CC-33	Nguyễn Việt	Anh	24/07/1990	Đại học Kế toán	Quảng Liên, Quảng Trạch	Kế toán viên tại Ban Quản lý các công trình công cộng	6,4	64	7,5	75				98	97,5	391	530	

TT	Số BD	Mã dự tuyển	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Hộ khẩu thường trú	Vị trí việc làm và dự kiến bố trí tại đơn vị	Điểm TBC học tập và tốt nghiệp (không theo hệ thống tín chỉ)				Tổng điểm đào tạo theo hệ thống tín chỉ			Điểm phỏng vấn		Điểm phỏng vấn (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
									Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 10)	Điểm TB chung học tập TK (thang điểm 100)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 10)	Điểm TN hoặc luận văn TN (thang điểm 100)	Thang điểm 10	Thang điểm 100	Thang điểm 100 (Hệ số 2)	Kiểm thức chung	Kiểm thức chuyên ngành			
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	21
29	55	CC-34	Dương Thái	Hoàng	08/6/1989	Cử nhân Luật	Quảng Xuân, Quảng Trạch	Phụ trách công tác Văn phòng tại BQL CCT CC	6,23	62,3	6,5	65				90	90	360	487,3	
30	56	CC-35	Đoàn Thị Hồng	Miên	29/7/1987	Kỹ sư Công nghệ môi trường	Quảng Thọ, Ba Đồn	Phụ trách lĩnh vực Vệ sinh môi trường, quản lý vận hành BCL rác tại BQL CCT CC	6,4	64	6,6	66				65	57,5	245	375	
31	59	ODA-37	Nguyễn Quốc	Hung	12/2/1990	Kỹ sư Kỹ thuật công trình xây dựng	Quảng Thuận, Ba Đồn	Phụ trách Giám sát, kiểm tra, theo dõi, thẩm định các công trình giao thông, CDB tại Ban quản lý DA ODA					5,77	57,7	115,4	92,5	90	365	480,4	

Danh sách này gồm có 31 người./